TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2018/KDTM-ST
Ngày: 22/10/2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh**.

Các hội thẩm nhân:

1. Ông Lý Thanh Bình;
2. Ông Phan Ngọc Đáng;

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Tô Nguyễn Mộng Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-KDTM ngày 05/03/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ngân hàng V.

(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Trụ sở: phường T, quận B, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phạm Đình H. (Giấy ủy quyền số 20/NHN_0-BT-UQ ngày 02/01/2018).

BỊ ĐƠN:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960.

2. Ông Trương Thanh S, sinh năm 1956.

Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V là ông Phạm Đình H trình bày:

Ngày 28/10/2014 Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 3510201406 với bà Nguyễn Thị K, ông Trương Thanh S để bà K, ông S vay số tiền 120.000.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu đồng)*, mục đích vay để nuôi cá trê, lãi suất 11%/ năm, trả lãi vào ngày 25 mỗi tháng, thời hạn trả nợ gốc ngày 25/10/2015.

Để đảm bảo cho số nợ trên, bà K, ông S có ký hợp đồng thế chấp số 2507201106 ngày 19/07/2011 thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 2.441m^2 (loại đất trồng lúa), thuộc thửa 313, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố C theo GCNQSDĐ số H02910 do UBND huyện P cấp ngày 06/05/2009 cho bà Nguyễn Thị K đứng tên sử dụng. Ngân hàng đã thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đối với tài sản trên.

Quá trình vay vốn, bà K, ông S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ dù đã được Ngân hàng liên hệ nhắc nhở và nợ vay đã chuyển sang quá hạn từ ngày 25/10/2015.

Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K, ông Trương Thanh S có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc đã vay và tiền lãi không thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Phía bị đơn là ông Trương Thanh S và bà Nguyễn Thị K Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết Quyết định đưa vụ ra xét xử, Thông báo xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, tính đến ngày 22/10/2018, số tiền gốc đến hạn 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 53.386.667đồng, lãi quá hạn là 20.258.333đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng buộc ông S và bà K thanh toán là 193.645.000 đồng *(một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)*, đồng thời yêu cầu Tòa buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký nếu ông S, bà K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giai đoạn thi hành án.

Phía đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với phần tài sản là quyền sử dụng đất mà bị đơn ký kết hợp đồng thế chấp số 2507201106 ngày 19/07/2011, do thời hạn sử dụng Quyền sử dụng đất diện tích 2.441m^2 (loại đất trồng lúa), thuộc thửa 313, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố C theo GCNQSDĐ số H02910 do UBND huyện P cấp ngày 06/05/2009, thời hạn sử dụng đất chỉ đến năm 2017.

Bị đơn ông Trương Thanh S và bà Nguyễn Thị K tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân nên là vụ án dân sự được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Phía bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến dự. Theo xác nhận của Công an phường L, quận B, thành phố C, ông S và bà K đăng ký thường trú tại khu vực B phường L, quận B, thành phố C, đã vắng mặt tại địa phương từ khoảng tháng 04/2018. Do đó, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật tiến hành niêm yết thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo trình tự tố tụng pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi, do vậy dựa vào các điều khoản của hợp đồng tín dụng đã ký kết và căn cứ vào các quy định của pháp luật về hợp đồng tín dụng xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 193.645.000đồng (*một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* là hoàn toàn phù hợp. Gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 120.000.000đồng

Lãi trong hạn là 53.386.667đồng.

Lãi quá hạn là 20.258.333đồng.

Ngoài ra, nếu trong giai đoạn thi hành án mà ông S và bà K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Việc nguyên đơn xin rút phần yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2507201106 ngày 19/07/2011 thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 2.441m^2 (loại đất trồng lúa), thuộc thửa 313, tờ bản đồ số 19, ấp B, xã G, huyện P, thành phố C theo GCNQSDĐ số H02910 do UBND huyện P cấp ngày 06/05/2009 cho bà K đứng tên sử dụng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại tiền đã nộp tạm ứng án phí, bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30,35,147, 227,273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Luật kinh doanh thương mại.
- Luật về phí và lệ phí.
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc ông Trương Thanh S và bà Nguyễn Thị K phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền gốc và lãi là 193.645.000 đồng (*một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* là dứt nợ. (Gồm các khoản sau: tiền gốc: 120.000.000đồng + Lãi trong hạn là 53.386.667 đồng + Lãi quá hạn là 20.258.333 đồng).

Thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người có nghĩa vụ chậm thanh toán thì còn phải trả thêm lãi suất chậm trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại 4.188.000 đồng *(bốn triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008936 ngày 08/02/2018 tại Cơ quan thi hành án dân sự quận, thành phố C.

- Bị đơn ông S và bà K phải nộp 9.682.000đồng (*chín triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận B, thành phố C

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. Q.Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- TAND TPCT;
- Lưu (hs, Vp. Ltds).

Phạm Thị Ánh